

Bản án số: 185/2017/DS-PT

Ngày: 29/9/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Tài Đức

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp “Hợp đồng tặng cho bất động sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 199/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938 (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Ngọc P, sinh năm 1962 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Đinh Phước T, sinh năm 1970 (Có mặt)

HKTT: Ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Đường H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường Đ, phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Lương, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1962 (Có mặt)
3. NLQ3, sinh năm 1962 (Có mặt)
4. NLQ4, sinh năm 1968 (Vắng mặt)
5. NLQ5, sinh năm 1973 (Có mặt)

6. NLQ6, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

7. NLQ7, sinh năm 1982 (Có mặt)
8. NLQ8, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
9. NLQ9, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

10. NLQ10, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Sờ T, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

11. NLQ11, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Phước T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào ngày 10/4/2014 bà có đến NLQ1, huyện C, tỉnh Kiên Giang để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con ruột là ông Đinh Phước T đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, diện tích là 256,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 969639 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà vào ngày 25/01/2014, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Qua sự việc tặng cho quyền sử dụng đất trên đã gây nhiều mâu thuẫn trong nội bộ gia đình bà, vì phần đất mà bà tặng cho ông T có căn nhà của gia đình ông NLQ2 ở ổn định trên 20 năm nay, ngoài ra trên đất còn có 01 phần mộ của thân tộc. Từ sự việc trên bà N đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên giữa bà và ông Đinh Phước T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Ngọc P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N tặng cho ông Đinh Phước T với lý do là việc tặng cho này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông NLQ2 và NLQ3 cùng các con hiện đang sinh sống trên phần đất đã được tặng cho ông Đinh Phước T.

* *Bị đơn ông Đinh Phước T trình bày:* Ông T thừa nhận vào ngày 10/4/2014 bà Nguyễn Thị N có đến NLQ1 ký hợp đồng tặng cho ông quyền sử dụng đất số

BN 969639 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà N ngày 25/01/2014, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã Mong Thị B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi ký hợp đồng tặng cho xong thì ông đã nộp toàn bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân huyện C để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong thời gian chờ được cấp giấy chủ quyền thì bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị hủy hợp đồng tặng cho nêu trên và làm đơn ngăn chặn chuyển dịch tài sản cho ông nên hiện nay ông chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Nay ông T xét thấy phần đất trên là của mẹ ông tặng cho là hoàn toàn tự nguyện nên việc bà N yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho trên ông không đồng ý. Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của ông và yêu cầu Tòa án giải quyết là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N và công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/4/2014 giữa ông T và bà N là có hiệu lực pháp luật, vì hợp đồng này đã được công chứng tại NLQ1 là đã đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông NLQ2 và bà NLQ3 trình bày: Năm 1990 vợ chồng ông bà được ông Đinh Văn B và bà Nguyễn Thị N cho một phần đất nằm phía sau nhà của ông B và bà N để cất nhà ở. Nền nhà của ông bà lúc đó chỉ là cái hầm sau nhiều năm bồi đắp, tôn tạo vợ chồng ông, bà đã cất nhà ở cho đến nay. Năm 2010 ông B mất, đến năm 2013 do căn nhà của ông bà bị xuống cấp nên ông bà đã sửa lại căn nhà và được sự đồng ý của bà N, trong thời gian ông bà sửa lại nhà các anh em trong gia đình đều biết và không ai tranh chấp, đến cuối năm 2013 ông bà sửa nhà xong lúc đó bà N có kêu bán căn nhà phía trước cho ông Nguyễn Bá C và về ở chung với gia đình ông bà cho đến nay. Sau đó đến năm 2014 không biết lý do gì bà N làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đinh Phước T trong đó có căn nhà của ông bà đang ở cùng với bà N và các con cháu của ông bà, sự việc tặng cho QSD đất nêu trên ông bà hoàn toàn không hay biết.

Nay NLQ2 và NLQ3 đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận theo yêu cầu bà N, hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Phước T đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, diện tích là 256,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 969639, vì việc tặng cho trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà.

- Bà NLQ4 và ông NLQ6 trình bày: Các ông bà thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận theo yêu cầu bà Nguyễn Thị N, các ông bà không có tranh chấp đối với QSD đất nêu trên.

- NLQ7, NLQ8, NLQ9 và NLQ10 trình bày: Các anh chị thống nhất theo lời trình bày của ông NLQ2, NLQ3 đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận theo yêu cầu bà N, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N và ông T vì việc tặng cho trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ2, NLQ3 và các anh chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông NLQ2, NLQ3, NLQ7, NLQ10 thống nhất với lời trình bày của bà Ngô Ngọc P

là yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N tặng cho ông Đinh Phước T; Riêng đối với ý kiến của ông NLQ5 là yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Phước T cho ông Đinh Phước T.

- *Đại diện NLQ1 trình bày:* Vào ngày 10/4/2014 bà Nguyễn Thị N có đến NLQ1 yêu cầu lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, diện tích 256,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 969639 cho con ruột là ông Đinh Phước T. Khi đến Văn phòng công chứng thì các bên đương sự có nộp các giấy tờ liên quan phần đất hiện nay đang tranh chấp, trong đó có giấy hợp mặt gia đình về việc cho bà N đứng tên chủ quyền đất và được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N đứng tên. Do đó, việc bà N đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T là hoàn toàn đúng theo quy định. Khi ký hợp đồng xong thì công chứng viên có đọc lại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà N, ông T cùng nghe và thống nhất ký tên, tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở NLQ1 bà N vẫn còn minh mẫn, nghe được và hiểu được việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tại thời điểm tặng cho không xảy ra tranh chấp. Nay bà N yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/4/2014 thì NLQ1 không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện NLQ1 có ý kiến: Việc NLQ1 công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Phước T là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật nên NLQ1 không có lỗi trong việc thực hiện nhiệm vụ công chứng của mình, còn việc Tòa án công nhận hợp đồng hay hủy hợp đồng tặng cho thì tùy theo phán quyết của Tòa án, bà không có ý kiến và cũng không khiếu nại gì về sau.

* Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Đinh Phước T.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Phước T về việc yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/4/2014 giữa ông Đinh Phước T và bà Nguyễn Thị N.

- Tuyên bố Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 10/4/2014 được Công chứng tại NLQ1 giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị N và bên được tặng cho là ông Đinh Phước T đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, diện tích là 256,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 969639, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang trả lại cho bà Nguyễn Thị N bản gốc giấy chứng nhận QSD đất số BN 969639 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà N vào ngày 25/01/2014 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 12/7/2017 ông T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của ông là bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và công nhận hợp đồng tặng cho QSD số 1441, quyền số 04/2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2014 tại NLQ1 giữa ông với bà Nguyễn Thị N.

Xét về thủ tục tố tụng, phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ là bà Nguyễn Thị N cho ông đã được ký tại NLQ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác nội dung kháng cáo của ông Đinh Phước T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/4/2014 giữa bà Nguyễn Thị N với ông Đinh Phước T, theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/01/2014 do bà Nguyễn Thị N đứng tên, đối với diện tích đất 256,8m², thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, địa chỉ thửa đất ấp P, xã Mong T, huyện C, Kiên Giang, được công chứng tại NLQ1, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Theo khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu. Tuy nhiên khi ông T đang tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sở hữu từ bà N sang ông T nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, thì bà N thông báo cho vợ chồng NLQ2, NLQ3 biết vì cho rằng bị ông T ép buộc và thay đổi ý chí không muốn tặng cho QSD đất cho ông T nữa nên có đơn ngăn chặn gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất ngày 10/4/2014. Vì vậy, hợp đồng tặng cho này chưa có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về hiện trạng phần đất bà N ký hợp đồng tặng cho QSD đất cho ông T thì theo lời trình bày của ông NLQ2 và NLQ3 xác định trên đất có căn nhà của vợ chồng NLQ2 và NLQ3 sinh sống ổn định trên 20 năm cho đến nay, có một nền mộ của thân tộc và sự việc này cũng được ông T xác nhận đúng là sự thật. Do đó, việc ký hợp đồng tặng cho QSD đất của bà N cho ông T mà gia đình NLQ2, NLQ3 không hay biết đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình NLQ2, NLQ3. Vì vậy, Tòa án cấp Sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà N với ông T là có căn cứ.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Phước T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm, phía ông T phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 167, 168, 467, 688, 692 Bộ luật dân sự 2005. Điều 188 Luật đất đai. Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Phước T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Đinh Phước T.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Phước T về việc yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/4/2014 giữa ông Đinh Phước T và bà Nguyễn Thị N.

3. Tuyên bố Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 10/4/2014 được Công chứng tại NLQ1 giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị N và bên được tặng cho là ông Đinh Phước T đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 33, diện tích là 256,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 969639, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã Mong T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang trả lại cho bà Nguyễn Thị N bản gốc giấy chứng nhận QSD đất số BN 969639 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà N vào ngày 25/01/2014 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về chi phí định giá: Buộc ông Đinh Phước T phải chịu chi phí thẩm định giá tổng cộng là 5.979.000 đồng, do bà Nguyễn Thị N đã tạm ứng chi phí định giá là 3.779.000 đồng. Do đó, buộc ông Đinh Phước T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí thẩm định giá là 3.779.000 đồng. Số tiền còn lại là 2.200.000 đồng ông Đinh Phước T đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Đinh Phước T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 332.000 đồng, bà Nguyễn Thị N tạm ứng chi phí này. Do đó, buộc ông Đinh Phước T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 332.000 đồng.

7. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông Đinh Phước T phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003634 ngày 31/8/2015 của chi cục thi hành án dân sự huyện C, vì vậy ông T không phải nộp thêm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị N đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng, án phí lệ phí Tòa án số 05035 ngày 18/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc ông Đinh Phước T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009813 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn